

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2022

V/v Tranh chấp về HNGĐ - Ly  
hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng;
- Ông Nguyễn Phú Hữu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Hồng T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã G G, huyện C, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Số 27, Tổ 6, Ấp 2, xã MN, thành phố C, tỉnh Đ.

*2. Bị đơn:* Anh Lê Trung T1, sinh năm 1969.

HKTT: Tổ 61, Khóm 5, Phường F, thành phố C, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Số 429, Tổ 7, ấp TH, xã TTT, thành phố C, tỉnh Đ.

*(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Hồ Thị Hồng T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2011, chị Hồ Thị Hồng T và anh Lê Trung T1 quen biết tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc đến năm

2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T1 hay ghen tuông vô cớ dẫn đến đánh đập chị T nhiều lần. Chị T đã giải thích nhưng anh T1 không tin và có lời lẽ xúc phạm đến danh dự và nhân phẩm của chị T. Nay chị T nhận thấy hôn nhân giữa chị với anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Trung T1, chị không yêu cầu xử lý đối với hành vi đánh đập chị của anh T1.

Về con chung: Chị Hồ Thị Hồng T và anh Lê Trung T1 có 01 con chung tên Lê G T2, sinh ngày 06/10/2013. Hiện nay con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng, cấp dưỡng từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản làm việc ngày 30/12/2021 bị đơn anh Lê Trung T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trung T1 với chị Hồ Thị Hồng T chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2020, chị T thường xuyên tụ tập bạn bè uống cà phê, không quan tâm lo lắng cho chồng con nên anh T1 với chị T thường xuyên cãi vã. Anh T1 đã nhiều lần khuyên can nhưng chị T không thay đổi. Anh T1 và chị T thường xuyên cãi vã, có vài lần trong lúc nóng giận không kiềm chế được anh T1 có tát vào mặt chị T. Anh T1 đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 4/2021 cho đến nay, thời gian xa nhau anh T1 và chị T đều không muốn hàn gắn tình cảm. Nay anh T1 nhận thấy tình cảm giữa anh và chị T không thể hàn gắn lại được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh T1 với chị T có 01 con chung tên Lê G T2, sinh ngày 06/10/2013, hiện nay con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, anh T1 đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T1 không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con do hiện anh không có công việc ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật: Chị Hồ Thị Hồng T yêu cầu ly hôn với anh Lê Trung T1, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên căn cứ vào khoản 1 Điều

28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con”.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Trung T1 là bị đơn trong vụ án có HKTT: Tổ 61, khóm 5, phường F, thành phố C, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Số 429, tổ 7, ấp TH, xã TTT, thành phố C, tỉnh Đ. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Lê Trung T1 nhưng anh Lê Trung T1 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Hồng T và anh Lê Trung T1 thừa nhận anh, chị tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị T và anh T1 chung sống với nhau từ năm 2011, có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Thị Hồng T và anh Lê Trung T1.

[2.2] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 058/2014, quyền số 01/2014, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã G G, huyện C và lời thừa nhận của chị Hồ Thị Hồng T và anh Lê Trung T1, xác định chị T và anh T1 có 01 con chung tên Lê G T2, sinh ngày 06/10/2013, hiện nay con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê G T2. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản làm việc ngày 30/12/2021, anh T1 trình bày đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê G T2. Bé Lê G T2 cũng có văn bản thể hiện nguyện vọng bé muốn được sống chung với chị T. Do đó, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp nguyện vọng của con và phù hợp với quy định tại Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về án phí:** Nguyên đơn chị Hồ Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Lê Trung T1 không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 81 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1. Về hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Thị Hồng T và anh Lê Trung T1.

**2. Về con chung:** Chị Hồ Thị Hồng T và anh Lê Trung T1 có 01 con chung tên Lê G T2, sinh ngày 06/10/2013, hiện nay con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị Hồ Thị Hồng T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê G T2, sinh ngày 06/10/2013.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, anh T1 không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí:** Chị Hồ Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0004793 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Anh Lê Trung T1 không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS TPCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Đoàn Thị Cẩm Hùng**